TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2024/KDTM-PT
Ngày: 04/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán: **Bà Dương Tuyết Mai**

Bà Lê Thúy Linh

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2024/TLPT-KDTM ngày 08/01/2024về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp đồng thi công".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 64/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXX-PT ngày 12/4/2024 vàQuyết định hoãn phiên tòa số 263/2024/QĐ-HPT ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H Việt Nam*(sau đây gọi tắt là Công ty H)***.**

Trụ sở: Lô 3A, đô thị S, phường P, quận LB, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng Luật sư Số VII (*Giấy ủy quyền số 131/GUQ-H ngày 01/3/2022)*.

Trụ sở: Số 135 Trần Đăng Ninh, phường D, quận CG, Hà Nội.

Đại diện: Luật sư Vi Văn A – Trưởng Văn phòng*(Có mặt)*.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 505 tháp B, tòa nhà Hong Kong Tower, số 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty TNHH đầu tư SG *(sau đây gọi tắt là Công ty SG)***.**

Trụ sở: Số 68, ngõ 29/70/02 phố KH, phường K, quận TX, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Số 51, ngõ 23 ĐQ, phường T, quận CG, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Thu T1 – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quốc Quyền – Công ty luật TNHH MTV Phúc Vinh (*Hợp đồng ủy quyền số 01/2024/HĐUQ/SG –ĐQQ ngày 19/3/2024*). Ông Nguyễn Minh Điều, sinh năm 1997 (Hợp đồng ủy quyền số 02/2024/HĐUQ/SONGGIANG-NMĐ ngày 27/5/2024*(Có mặt)*

Địa chỉ: Số 51, ngõ 23 Đỗ Quang, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bệnh viện Chuyên khoa Sản nhi tỉnh Sóc Trăng

Trụ sở: 645 Tôn Đức Thắng, khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Chung Tấn Định – Giám đốc.

3.2. Ban quản lý dự án 1 - Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Trụ sở: Số 79 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

3.3 Công ty cổ phần xây dựng Đô thị Sông Hồng

Trụ sở: Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Hồng – Giám đốc.

3.4 Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thông tin.

Trụ sở: số 9-10 dãy A1, dự án tiểu khu nhà ở Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy Lý – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Đạt, sinh năm 1995; ông Đặng Đức Ngọc, sinh năm 1995. (*Giấy ủy quyền số 02/2023/CNTT ngày 03/7/2023).*

Địa chỉ nhận văn bản: Ông Phạm Văn Đạt – Đ/c: Số 49 Văn Cao, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. SĐT: 0889.765.678(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/9/2019, Công ty H và Công ty SG ký kết Hợp đồng mua bán số: 1609/SONGGIANG-H, V/v Cung cấp, gia công và lắp đặt vách, cửa nhựa, cửa

nhôm để thi công gói thầu số 40- Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi Sóc Trăng, địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh SócTrăng. Ngày 05/11/2019, hai bên tiếp tục ký bổ sung Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/SONGGIANG-H và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/SONGGIANG-H ngày 05/11/2019 với tổng giá trị Hợp đồng là **8.460.098.065 đồng**.

Ngày 27/8/2020, hai bên lập Biên bản bàn giao hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng, về chất lượng thực hiện: "*Thi công hoàn thành theo HSTK được duyệt, đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu*".

Ngày 05/11/2020, hai bên lập "Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán xác định tổng giá trị quyết toán" là **8.402.568.753 đồng**, trong đó Công ty SG đã thanh toán **7.157.882.652 đồng** và xác nhận giá trị còn lại quyết toán phải trả cho nguyên đơn là: **1.244.686.101đồng.**

Theo Khoản 2 Điều 6 Hợp đồng về việc thanh toán và bảo hành sản phẩm quy định: *"Sau khi hoàn thành lắp đặt cửa vào công trình, hai bên tiến hành nghiệm thu và quyết toán theo thực tế. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nghiệm thu, quyết toán, Bên A sẽ thanh toán nốt giá trị quyết toán cho Bên B,đồng thời Bên B cung cấp cho Bên A chứng thư bảo lãnh bảo hành có giá trị 12 tháng. Chứng thư bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận thanh toán quyết toán của Bên A và có giá trị bằng 5% quyết toán. Trường hợp Bên A thanh toán chậm hơn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, số ngày chậm đó sẽ được trừ vào thời gian bảo hành".*

Trách nhiệm Công ty SG phải thanh toán cho Công ty H 95% quyết toán, tương ứng với 824.557.663 đồng chậm nhất sau 30 ngày là ngày 28/9/2020, còn lại 5% giá trị phần bảo hành công trìnhtương ứng với 420.128.438đồng sẽ được thanh toán khi kết thúc bảo hành sau 12 tháng (*kể từ khi lập Biên bản bàn giao hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 27/8/2020*).

Do Công ty SG vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thời gian chậm thanh toán sẽ được trừ vào thời gian bảo hành theo Điều 6 Hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 17/4/2021, thời gian bảo hành đối với hạng mục thi công của Công ty H đã hết. Công ty SG phải thanh toán giá trị quyết toán còn lại (phần bảo hành công trình) cho Công ty H là **420.128.438đồng** kể từ ngày 17/4/2021.

Tuy nhiên, đến thời điểm khởi kiện Công ty SG vẫn không thanh toán khoản nợ cho Công ty H mà không có lý do chính đáng. Vì vậy Công ty H khởi kiện vàđề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty SG phải trả các khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/7/2023 là:

- Số tiền nợ gốc theo hợp đồng là: 1.244.686.101 đồng.

- Số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/7/2023 là 257.473.414 đồng (*Tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng 9%/năm*).

* Tổng số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 1.502.159.615 đồng.

2. Bị đơn là Công ty TNHH đầu tư SGdo người đại diện theo uỷ quyềnvà đại diện theo pháp luật trình bày:

- Ngày 16/9/2019, Công ty H và Công ty SG ký kết Hợp đồng mua bán số 1609/SONGGIANG-H (Hợp đồng), theo đó: Công ty SG (Bên A) đồng ý giao và Công ty H (Bên B) đồng ý nhận cung cấp, gia công và lắp đặt cửa các loại của gói thầu 40 Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản nhi Sóc Trăng. Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Giá trị hợp đồng: 6.383.252.402 đồng. Do có sự biến động về giá trị Hợp đồng trên thực tế nên hai bên đã ký kết Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/SG-H ngày 05/11/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/SG-H ngày 10/11/2019, theo đó giá trị cuối cùng của Hợp đồng là 8.460.098.065 đồng. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty SG đã thanh toán cho Công ty H nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 7.157.882.652 đồng. Ngày 05/11/2020, Công ty SG và Công ty H ký kết Hồ sơ quyết toán, theo đó giá trị quyết toán còn lại của Công ty SG là 1.244.686.101 đồng. Ngày 27/8/2020, Công ty SG và Công ty H ký kết Biên bản bàn giao hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng và kết luận: *"Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành các hạng mục của gói thầu "Cung cấp, gia công lắp đặt vách, cửa nhựa, cửa nhôm" để bàn giao đưa vào sử dụng"*.

Theo Điều 6.2 của Hợp đồng quy định: *Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận nghiệm thu, quyết toán, Bên A sẽ thanh toán nốt giá trị quyết toán cho Bên B đồng thời Bên B cung cấp cho Bên A chứng thư Bảo lãnh bảo hành có thời hạn 12 tháng. Chứng thư bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận thanh toán quyết toán của Bên A và có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán*. Như vậy, sau khi hai bên hoàn thành nghiệm thu, Công ty H phải phát hành thư bảo lãnh, bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị đã quyết toán cho Công ty SG, trên cơ sở đó Công ty SG sẽ thanh toán giá trị quyết toán còn lại cho Công ty H. Tuy nhiên, sau khi Hồ sơ quyết toán được ký kết, Công ty H không phát hành thư bảo lãnh, bảo hành theo nội dung đã thỏa thuận tại Điều 6.2 của Hợp đồng để Công ty SG có cơ sở thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình.

- Sau khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, Công ty SG phát hiện nhiều hạng mục thi công bị hư hỏng, sai sót cần sửa chữa. Cán bộ kỹ thuật của Công ty SG đã thông báo cho Công ty H sự việc trên thông qua tin nhắn, Email tới các địa chỉ 02 bên thường xuyên giao dịch, nhưng không nhận được phản hồi. Công ty SG đã phải dùng nguồn tài chính của mình để sửa chữa, bảo hành

thay cho Công ty H đối với một số hạng mục có tính chất cấp thiết. Hiện tại vẫn còn tồn tại rất nhiều hạng mục cần sửa chữa, bảo hành.

Ngày 31/5/2021, Công ty SG có Văn bản số 31/05/SG-BVST gửi Công ty H về việc đề nghị tiến hành sửa chữa hư hỏng hạng mục cửa vách gói thầu số 40 Công trình Bệnh viện Sản nhi, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 01/6/2021, Công ty H có Văn bản số 06/2021/SONGGIANG H về việc phúc đáp công văn số 31/05/SG-BVST ngày 31/05/2021 và cho rằng: "*Công ty SG chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty H chưa thể thực hiện được nghĩa vụ bảo hành"*. Ngày 13/12/2021, Công ty H có Văn bản số 15/2021/DNTT/ SONGGIANG-H đề nghị Công ty SG thanh toán tiền nợ và lãi chậm trả với tổng số tiền là 1.351.978.456 đồng.

Công ty SG khẳng định: Việc Công ty H phát hành thư bảo lãnh, bảo hành theo nội dung đã thỏa thuận tại Điều 6.2 của Hợp đồng là điều kiện cần và đủ để Công ty SG thực hiện nghĩa vụ thanh toán quyết toán, do đó yêu cầu thanh toán nợ và lãi chậm trả của Công ty H hoàn toàn không có cơ sở. Công ty SG yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết các yêu cầu sau:

Một là, buộc Công ty TNHH H Việt Nam phải phát hành thư bảo lãnh, bảo hành cho Công ty TNHH đầu tư SG đối với Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản nhi Sóc Trăng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán số 1609/SONGGIANG-H ngày 16/9/2019;

Hai là, buộc Công ty TNHH H Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với các hạng mục hư hỏng, sai sót tại Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản nhi Sóc Trăng hiện chưa được khắc phục và ký Biên bản nghiệm thu sau bảo hành công trình.

3. Trình bày của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bệnh viện Chuyên khoa sản nhi Sóc Trăng trình bày như sau: Bệnh viện chỉ là đơn vị sử dụng, không phải chủ đầu tư, chủ đầu tư là Ban quản lý dự án 1, tỉnh Sóc Trăng, việc quản lý công trình trong giai đoạn bảo hành hiện nay cũng do Ban quản lý Dự án 1 của tỉnh chịu trách nhiệm nên Bệnh viện không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Bệnh viện có đơn xin không tham dự phiên toà. (Đơn đề ngày 07/9/2022).

3.2. Ban Quản lý Dự án 1 thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày như sau:

Dự án Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh Sóc Trăng do Ban Quản lý dự án 1 làm Chủ đầu tư dự án được triển khai thi công và hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2020, theo đó thành phần của dự án gồm ba hạng mục chính hạng mục Nhà 1, Nhà 2A và hạng mục Nhà 2B, 3&4. Trong quá trình

triển khai dự án, thông qua công tác lựa chọn nhà thầu. Ban đã ký Hợp đồng với các các nhà thầu thực hiện thi công ba hạng mục trên gồm các nhà thầu sau đây:

- Nhà thầu Tổng Công ty xây dựng Nông nghiệp Việt Nam thực hiện gói thầu số 39. Thi công hạng mục Nhà 1.

- Nhà thầu Công ty cổ phần Đô thị Sông Hồng thực hiện gói thầu số 40. Thi công hạng mục Nhà 2A.

- Nhà thầu Tổng Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Đô thị Udic - Công ty TNHH một thành viên thực hiện gói thầu số 41. Thi công hạng mục nhà 2B, 3&4.

Trong thời gian triển khai thi công liên hệ trao đổi về hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán. Ban Quản lý đều làm việc với các nhà thầu là các đơn vị trực tiếp ký kết Hợp đồng thi công ba hạng mục trên". Do đó không làm việc trực tiếp với Công ty SG và Công ty H.

3.3 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Đô thị Sông Hồng trình bày:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Đô thị Sông Hồng là đơn vị thi công công trình Bệnh viện sản nhi Sóc Trăng, gói thầu số 40. Thi công hạng mục 2A -Nhà khám, điều trị ngoại trú và hành chính quản trị. Về hạng mục thi công hạng mục cửa kính của công trình Bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi Sóc Trăng Công ty ký Hợp đồng giao thầu với đơn vị: Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thông tin; Địa chỉ: Số 9-10 dãy A1, dự án Tiểu khu nhà ở Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty Sông Hồng khẳng định không có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan đến vụ án tới việc tranh chấp giữa Công ty SG và Công ty H.

Tòa án đã đưa Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thông tin vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

3.4 Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thông tin trình bày:

Năm 2018, Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin đã ký kết hợp đồng kinh tế số 1505/2018/HĐKT/SH-TTP ngày 15/5/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 22/10/2019 với Công ty cổ phần xây dựng đô thị Sông Hồng để Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin cung cấp vật tư và thi công hạng mục: Cửa, trần nhôm và thanh chống va đập thuộc gói thầu xây lắp số 40. Thi công xây dựng hạng mục 2A-Nhà khám, điều trị ngoại trú và hành chính quản trị công trình Bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 24/10/2019, Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin ký kết hợp đồng kinh tế số 2410/2019/HĐKT/SH-TTP với Công ty cổ phần xây dựng đô thị Sông Hồng để Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin cung cấp và lắp dựng kính mái sảnh, mái thông tầng thuộc gói thầu xây lắp số 40.Thi

công xây dựng hạng mục 2A-Nhà khám, điều trị ngoại trú và hành chính quản trị công trình bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng. Để thực hiện các Hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty cổ phần xây dựng đô thị Sông Hồng được nhanh chóng, đảm bảo đúng tiến độ và nghĩa vụ hợp đồng; Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin đã ký kết Hợp đồng với Công ty TNHH Đầu Tư SG để cùng hợp tác với Công ty TNHH Đầu Tư SG về việc cung cấp hàng hóa và thi công công trình xây dựng hạng mục 2A-Nhà khám, điều trị ngoại trú và hành chính quản trị công trình Bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng, việc hợp tác này được thể hiện bằng: Hợp đồng kinh tế số 175/2018/TTP-SG (Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ/2019/TTP-SG ngày 28/10/2019) để Công ty SG cung cấp hàng hóa, thi công hoàn thiện cửa nhôm kính, cửa nhựa lõi thép, cửa cuốn và thanh chống va đập và Hợp đồng kinh tế số: 2910/2019/TTP-SG ngày 29/10/2019 để Công ty TNHH Đầu Tư SG cung cấp hàng hóa và thi công hoàn thiện mái kính. Đây là các Hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa Công ty chúng tôi và Công ty SG. Trong quá trình hợp tác thực hiện Hợp đồng kinh tế giữa Công ty chúng tôi và Công ty SG không phát sinh bất kỳ tranh chấp nào.

Mặt khác, Hợp đồng số 1609/SONGGIANG-H mà Công ty SG ký kết với Công ty TNHH H Việt Nam là hợp đồng độc lập do Công ty SG và Công ty H Việt Nam tự thỏa thuận với nhau, không phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với Công ty chúng tôi. Do đó, Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin khẳng định: Công ty không có nghĩa vụ và trách nhiệm nào trong các bản Hợp đồng và các thỏa thuận của Công ty SG với Công ty H Việt Nam. Vậy việc tranh chấp giữa Công ty SG và Công ty H đang được Tòa án nhân dân quận TX thụ lý giải quyết không liên quan tới Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin.

Vì vậy, Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ Thông Tin làm đơn này đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử 12/9/2023 là: **1.555.018.550 đồng**. Trong đó:

Tiền gốc: 1.244.686.101 đồng;

Tiền lãi: 310.332.449 đồng, gồm:

+ Tiền lãi đối với số tiền 824.557.663 đồng tính từ ngày 28/9/2020 đến 12/9/2023 là: 219.377.520 đồng;

+ Tiền lãi đối với số tiền 420.128.438 đồng tính từ ngày 17/4/2021 đến 12/9/2023 là: 90.954.929 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm.

- Bị đơn xác định giá trị quyết toán của hợp đồng là 1.244.686.101 đồng nhưng chưa xác định giá trị công nợ vì nguyên đơn chưa phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành, do đó bị đơn chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán 95% giá trị quyết toán với số tiền là 824.557.663 đồng nhưng cần xác định thời điểm cụ thể phải thanh toán. Bị đơn không đồng ý thanh toán 5% giá trị quyết toán với số tiền 420.128.438 đồng vì đó là giá trị phần bảo hành. Bị đơn không đồng ý thanh toán khoản tiền lãi. Đồng thời có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho bị đơn về số tiền yêu cầu bảo hành do tại phiên tòa hôm nay bị đơn chưa cung cấp được chứng từ thanh toán, công trình vẫn đang được sửa chữa, bảo hành do vừa vận hành làm việc, vừa bảo hành nên rất khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công, sửa chữa. Yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại nếu như giá trị bảo hành trên 5%.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH phát triển công nghệ thông tin trình bày tại phiên toà: Công ty chúng tôi không có ý kiến gì, các ý kiến đã được trình bày bằng văn bản có trong hồ sơ.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 64/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023, Toà án nhân dân quận TX quyết định:

[1].Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H Việt Nam đối với Công ty TNHH Đầu tư SG về việc tranh chấp hợp đồng thi công.

-Buộc Công ty TNHH Đầu tư SGphải thanh toán trả cho Công ty TNHH H Việt Namsố tiền nợ gốc là: 1.244.686.101 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán khoản tiền nêu trên tính đến ngày xét xử là: 281.712.576 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH Đầu tư SG phải thanh toán cho Công ty TNHH H Việt Nam là: 1.526.398.677 đồng.

-Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H Việt Namđối với số tiền 28.619.873 đồng.

[2].Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Đầu tư SG đối với Công ty TNHH H Việt Namphải phát hành thư bảo lãnh và thực hiện nghĩa vụ bảo hành với số tiền bảo hành công trình là 1.171.235.536 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3].Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. Sau phiên tòa sơ thẩm:

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 27/9/2023, Công ty SG có đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số64/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân quận TX, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, với lý do:

- Bị đơn không chấp nhận thanh toán tiền lãi do nguyên đơn chưa phát sinh quyền yêu cầu thanh toán vì không phát hành bảo lãnh theo Điều 6.2 Hợp đồng mua bán số 1609;
- Bị đơn không chấp nhận việc một phần thanh toán nợ gốc tương đương 5% giá trị Hợp đồng nghiệm thu do nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ký kết hợp đồng và thi công sửa chữa, bảo hành công trình.

5. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

* Tại cấp phúc thẩm, Công ty H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là Công ty SG giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự có xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới và trình ý kiến bảo vệ quan điểm của mình cụ thể như sau:

- *Đại diện theo ủy quyền củaCông ty TNHH Đầu tư SG (bị đơn) trình bày nội dung kháng cáo như sau*:

Ngày 16/9/2019, Công ty H và Công ty SG ký kết Hợp đồng kinh tế số1609/SONGGIANG-Hvà các phụ lục hợp đồng, theo đó: Công ty SG – Bên A đồng ý và Công ty H đồng ý nhận cung cấp, gia công và lắp đặt cửa các loại của gói thầu 40 – Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản nhi Sóc Trăng.

Sau khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, Công ty SG phát hiện nhiều hạng mục do Công ty H thi công bị hư hỏng cần sửa chữa. Ngày 31/5/2021 (thời điểm trong thời hạn bảo hành), Công ty SG có Văn bản số 31/5/SG-BVST gửi Công ty H về việc đề nghị tiến hành sửa chữa hư hỏng hạng mục cửa vách gói thầu số 40 nhưng Công ty H có Văn bản số 06/2021/Songgiang-H ngày 01/6/2021 từ chối bảo hành, với lý do: "*Công ty SG chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty H chưa*

thể thực hiện được nghĩa vụ bảo hành".

Để đảm bảo chất lượng công trình và thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với nhà thầu chính, Công ty SG đã phải dùng nguồn tài chính của mình để tự thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với nhiều hạng mục thuộc trách nhiệm của Công ty H, bằng việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/SG-HA ngày 16/3/2023 với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nhôm kính Hà Anh. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty SG đã đề nghị Công ty H phối hợp để xác nhận các nội dung công việc bảo hành tại công trình nhưng Công ty H không phản hồi.

Ngày 20/3/2024, trên cơ sở các Biên bản hiện trường về việc kiểm tra xác nhận nghiệm thu công tác sửa chữa bảo hành công trình ngày 25/7/2023, ngày 18/3/2024 và ngày 20/3/2024 ký giữa Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án 1, tỉnh Sóc Trăng, Đơn vị sử dụng: Bệnh viện chuyên khoa Sản nhi Sóc Trăng và nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị Sông Hồng, Công ty SG và Công ty Hà Anh đã ký kết Biên bản nghiệm thu và bàn giao hạng mục công trình đưa vào sử dụng, theo đó giá trị quyết toán là 433.033.572 đồng. Công ty SG đã thanh toán đầy đủ số tiền trên và được Công ty Hà Anh xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 04 ngày 02/4/2024.Nội dung và khối lượng công việc Công ty Hà Anh thực hiện đã được các nhà thầu và chủ đầu tư xác nhận hoàn thành .

Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Hợp đồng mua bán số 1609/Songgiang-H và Điều 125 Luật xây dựng 2014, nghĩa vụ bảo hành Công trình là nghĩa vụ bắt buộc của Công ty H. Mặc dù Công ty SG đã có văn bản yêu cầu trong thời hạn bảo hành, sau đó tiếp tục thiện chí yêu cầu phối hợp xác nhận giá trị bảo hành thực tế nhưng Công ty H vẫn không hợp tác, quyết tâm vi phạm nghĩa vụ bảo hành. Do đó, Công ty H phải thanh toán toàn bộ các chi phí, thiệt hại mà Công ty SG đã phải thuê đơn vị khác thực hiện bảo hành thay cho Công ty H.

Vì vậy, Công ty SG kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty SG, buộc Công ty H phải thanh toán số tiền chi phí bảo hành là 433.033.572 đồng.

-Đại diện theo ủy quyền của Công ty H*(nguyên đơn) trình bày*:

Thứ nhất, Về nghĩa vụ thanh toán:

Ngày 27/8/2020, Công ty H và Công ty SG đã lập Biên bản bàn giao hoàn thanh các hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Ngày 05/11/2020, hai bên lập Bảng tính gia trị quyết toán trong đó xác định rõ giá trị quyết toàn còn lại là 1.244.686.101 đồng. Thời hạn thanh toán theo khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng là sau 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, quyết toán. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty H đã 06 lần gửi Công văn đề nghị thanh toán nhưng Công ty SG vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình.

Thứ hai, về nghĩa vụ bảo hành sản phẩm

Theo quy định của Hợp đồng, thời hạn bảo hành là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, tức từ ngày 27/8/2020 đến ngày 27/8/2021. Trường hợp Bên A chậm thanh toán chậm thanh toán hơn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, số ngày chậm đó sẽ được trừ vào thời gian bảo hành.

Ngày 31/5/2021, Công ty SG gửi Công văn số 31/5/SG-BVST yêu cầu Công ty H bảo hành sản phẩm. Tính đến thời điểm này, Công ty SG đã chậm thanh toán 177 ngày (số ngày chậm này được bắt đầu ghi nhận từ thời điểm sau ngày quyết toán 30 ngày tức là ngày 06/12/2020 đến ngày 31/5/2021). Do đó, số ngày bảo hành công trình sẽ bị rút ngắn đúng bằng số ngày thanh toán chậm là 177 ngày, tương ứng với khoảng thời gian bảo hành công trình bị rút ngắn chỉ được tính từ ngày 27/8/2020 đến ngày 04/3/2021. Như vậy, thời điểm ngày 31/5/2021, Công ty SG gửi Công văn yêu cầu Công ty H bảo hành thì đã hết hạn bảo hành.

Căn cứ phân tích trên, Công ty H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo của Công ty SG và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Công ty H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, xác định thời gian tính tiền lãi đối với khoản nợ 824.557.663 từ ngày 06/12/2020 đến ngày 12/9/2023 là 204.535.493 đồng và đối với khoản nợ 420.128.438 đồng từ ngày 28/8/2021 đến ngày 12/9/2023 là 77.177.083 đồng. Tổng số tiền lãi yêu cầu Công ty SG phải thanh toán là **281.712.576 đồng**.

- Công ty SG rút một phần yêu cầu phản tố, tự nguyện chỉ yêu cầu Công ty H thanh toán chi phí sửa chữa bảo hành công trình là **420.128.438 đồng**, đúng bằng 5% giá trị quyết toán là giá trị phần bảo hành công trình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy theo Hợp đồng kinh tế số1609/SONGGIANG-Hngày 16/9/2019 và các phụ lục hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên trong quan hệ tranh chấp đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán xác định tổng giá trị quyết toán ngày 05/11/2020, không bên nào có ý

kiến thắc mắc về thẩm quyền ký kết hợp đồng và giá trị phải thanh toán là: 1.244.686.101 đồng nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty SG đã không thực hiện trả nợ theo cam kết tại Hợp đồng và Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán ngày 05/11/2020. Xét thấy, Công ty SG đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại của khoản 95% giá trị hợp đồng nên Công ty H yêu cầu Công ty SG phải trả số tiền nợ gốc 824.557.663 đồng, được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận buộc Công ty SG phải trả số tiền này và tiền lãi204.535.493 đồng là có căn cứ. Công ty SG kháng cáo cho rằng chưa đủ cơ sở thanh toán tiền lãi là không có căn cứ.

***- Về thời hạn bảo hành*:** Công trình xây dựng mà hai bên ký kết là công trình thuộcđiểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐCP ngày 26/01/2021 nên thời gian bảo hành không ít hơn 12 tháng.Theo Điều 6 Hợp đồng hai bên thỏa thuận thời gian bảo hành bị dưới 12 tháng là trái quy định của pháp luật. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CP thì các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành, tài sản bảo đảm, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty H, xác định yêu cầu bảo hành của Công ty SG tại thời điểm ngày 31/5/2021 đã hết thời hạn bảo hành và buộc Công ty SG phải thanh toán số tiền bảo lãnh, bảo hành công trình, tương đương 5% giá trị quyết toán công trình là không đúng.

- Đối với yêu cầu phản tố buộc Công ty H phải thanh toán các chi phí mà Công ty SG đã phải thực hiện bảo hành thay:

Ngày 31/5/2021, Công ty SG có văn bản yêu cầu Công ty H thực hiện nghĩa vụ bảo hành, thời điểm này chưa hết thời gian bảo hành nhưng Công ty H lại không thực hiện nghĩa vụ bảo hành với lý do Công ty Sông Giang chưa thanh toán là không đúng quy định tại Điều 125 Luật xây dựng. Để đảm bảo chất lượng công trình và thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với nhà thầu chính, Công ty SG đã phải thuê bên thứ 3 thực hiện việc bảo hành nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, Công ty H phải thanh toán toàn bộ các chi phí, thiệt hại mà Công ty SG đã phải thực hiện bảo hành thay cho Công ty H. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty SG buộc Công ty H phải thanh toán số tiền chi phí bảo hành, sửa chữa là 433.033.572 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Công ty SG chỉ yêu cầu Công ty H phải thanh toán chi phí sửa chưa đúng bằng số tiền bảo hành là 420.128.438 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của Công ty SG, không trái quy định của pháp luật và có lợi cho Công ty H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối trừ tiền bảo hành và chi phí sửa chữa, bảo hành, các bên không phải thanh toán cho nhau số tiền bảo hành 420.128.438 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty SG. Căn cứ khoản 2 Điều 308Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xửsửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Ngày 27/9/2023, Toà án nhân dân quận TX nhận được đơn kháng cáo đề ngày 21/9/2023 của Công ty SG kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 64/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân quận TX.Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty SG làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung kháng cáo:

Ngày16/9/2019, Công ty H và Công ty SG ký kết Hợp đồng mua bán số 1609/SONGGIANG-H về việc Cung cấp, gia công và lắp đặt vách, cửa nhựa, cửa nhôm để thi công gói thầu số 40Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi Sóc Trăng, địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, khóm 3, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh SócTrăng và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/SONGGIANG-H ngày 05/11/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/SONGGIANG-H ngày 05/11/2019. Tổng giá trị hợp đồng là 8.460.098.065 đồng.

Ngày 27/8/2020, Công ty H và Công ty SG đã lập Biên bản bàn giao hoàn thành các hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

Ngày 05/11/2020, hai bên lập Bảng tính giá trị quyết toán trong đó xác định rõ:

- Tổng giá trị quyết toán hoàn thành: **8.402.568.753 đồng.**

- Tổng giá trị Công ty SG đã thanh toán: **7.157.882.652 đồng.**

- Giá trị quyết toán còn lại là **1.244.686.101 đồng.**

Các bên trong quan hệ tranh chấp đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng và Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán ngày 05/11/2020, không

bên nào có ý kiến thắc mắc về thẩm quyền ký kết hợp đồng và giá trị phải thanh toán là **1.244.686.101 đồng**. Các đương sự không kháng cáo về nội dung này nên có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay, Công ty SG kháng cáo không chấp nhận thanh toán tiền lãi do Công ty H chưa phát sinh quyền yêu cầu thanh toán vì không phát hành bảo lãnh theo Điều 6.2 Hợp đồng mua bán số 1609 và không chấp nhận thanh toán một phần nợ gốc, tương đương 5% giá trị Hợp đồng nghiệm thu do Công ty H không thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Đồng thời, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố, buộc Công ty H phải thanh toán các chi phí mà Công ty SG đã phải thực hiện bảo hành thay.

Xét thấy:

Thứ nhất, về yêu cầu thanh toán số tiền nợ 1.526.398.677 đồng (gốc 1.244.686.101 đồng và lãi 281.712.576 đồng)

Theo xác nhận ngày 05/11/2020 tại Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán thìgiá trị Công ty SG còn lại phải trả Công ty H là 1.244.686.101 đồng (bao gồm cả số tiền 5% bảo lãnh bảo hành). Trong đó, giá trị nợ gốc trong khoản 95% giá trị công trình quyết toán là 824.557.663 đồng và tiền bảo hành 5% giá trị công trình là 420.128.438 đồng.

TạiĐiều 6.2 Hợp đồng các bên có thỏa thuận: *"Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, Bên A thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị hoàn thành của lô hàng (trừ đi tỷ lệ % đã tạm ứng trước đó). Bên B sẽ xuất hóa đơn với giá trị tương ứng cho Bên A [....]*

Sau khi hoàn thành lắp đặt cửa vào công trình, hai bên tiến hành nghiệm thu và quyết toán thực tế. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận nghiệm thu, quyết toán, Bên A sẽ thanh toán nốt giá trị quyết toán cho Bên B ***đồng thời Bên B*** *cung cấp cho Bên A chứng thư Bảo lãnh bảo hành có thời hạn 12 tháng. Chứng thư bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận thanh toán quyết toán của Bên A và có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán ...".*

Theo Điều 8 của Hợp đồngcác bên có thỏa thuận: "*Bên B (H) bảo hành toàn bộ sản phẩm là 12 (mười hai) tháng. Chứng thư bảo hành có hiệu lực kể từ ngày bên B nhận thanh quyết toán của bên A và có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán. Trường hợp bên A thanh toán chậm hơn 90 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, số ngày chậm đó sẽ được trừ vào thời gian bảo hành".*

Ngày 27/8/2020, Công ty H và Công ty SG đã lập Biên bản bàn giao hoàn thành các hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Ngày 05/11/2020, hai bên lập Bảng tính giá trị quyết toán trong đó xác định rõ giá trị quyết toàn còn lại là 1.244.686.101 đồng.

Như vậy, theo thỏa thuận trên, Công ty SG có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H giá trị quyết toán còn lại là 1.244.686.101 đồngtrong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận nghiệm thu, quyết toán(*tức là từ ngày 05/11/2020 đến ngày 05/12/2020*); đồng thời Công ty H phải phát hành chứng thư bảo lãnh có giá trị là 12 tháng và bằng 5% giá trị quyết toán là 420.128.438 đồng. Tuy nhiên, theo trình bày của các bên thì Công ty SG và Công ty H đều không thực hiện đúng các thỏa thuận trên.

Công ty SG cho rằng việcCông ty H không phát hành thư bảo lãnh, bảo hành theo nội dung đã thỏa thuận tại Điều 6.2 của Hợp đồng nên chưa làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty SG. Còn Công ty H lại cho rằng Công ty SG chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty H chưa thể thực hiện được nghĩa vụ bảo hành. Ý kiến của các bên nêu trên là hoàn toàn không có cơ sở. Vì nghĩa vụ thanh toán và nghĩa vụ bảo hành là 02 nghĩa vụ độc lập và bắt buộc phải thực hiện. Theo thỏa thuận Điều 6.2 và Điều 8 của Hợp đồng thì các bên có thỏa thuận giá trị bảo lãnh, bảo hành công trình là 5% giá trị quyết toán công trình, tương đương 420.128.438 đồng. Theo quy định của pháp luật thì hình thức bảo hành có thể được quy định bằng tiền hoặc thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng. Do đó, trường hợp Công ty H không phát hành chứng thư bảo lãnh tương đương 5% giá trị quyết toán công trình thì Công ty SG vẫn phải thanh toán 95% giá trị quyết toán công trình, còn 5% giá trị quyết toán công trình là tiền bảo hành được giữ lại và thanh toán khi hết thời gian bảo hành.

Việc Công ty SG không thanh toán số tiền nợ gốc còn lại của 95% giá trị công trình quyết toán là 824.557.663 đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận nghiệm thu, quyết toán(*tức là từ ngày 05/11/2020 đến ngày 05/12/2020*)là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty SG vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 824.557.663 đồng này bắt đầu từ ngày 06/12/2020 và buộc Công ty SG phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền trên là có cơ sở.

Về mức lãi, hợp đồng hai bên ký kết không thỏa thuận về lãi suất trong trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ. Mặc dù hai bên ký kết Hợp đồng mua bán nhưng nội dung lại điều chỉnh chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng, do đó phải chịu sự điều chỉnh của Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Căn cứ quy định tại Điều 144, Điều 147 Luật xây dựng 2014; Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, lãi suất chậm thanh toán áp dụng là lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại bên nhận thầu mở tài khoản. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất quá hạn 9%/năm là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Do đó, Công ty SG phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn lại của 95% Hợp đồng từ ngày 06/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2023 *(1.006 ngày)*là:

824.557.663 đồng x 1.006 ngày x (9%/năm/365 ngày) = 204.535.493 đồng.

Kháng cáo của Công ty SG đối với việc không chấp nhận trả lãi đối với số tiền 824.557.663 đồng (*tiền nợ gốc còn lại của 95% giá trị công trình quyết toán*) là không có căn cứ.

** Đối với số tiền bảo hành công trình là 5% giá trị quyết toán công trình, tương đương 420.128.438 đồng:*

Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi Sóc Trăng được bắt đầu khởi công xây dựng vào năm 2010 tại Phường 5, thành phố Sóc Trăng trên diện tích 7,17 ha, gồm 2 khối cao 7 tầng và 8 tầng, tổng diện tích sàn 43.400m^2, có quy mô 250 giường và tổng kinh phí gần 800 tỷ đồng, từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và ngân sách địa phương. Theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ xây dựng thì Công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi Sóc Trănglà **công trình xây dựng cấp II.**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐCP ngày 26/01/2021:"*Thời hạn bảo hành đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp được tính kể từ khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định và được quy định như sau:*

a) Không ít hơn 24 tháng đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

b) Không ít hơn 12 tháng đối với các công trình cấp còn lại sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

c) Thời hạn bảo hành đối với công trình sử dụng vốn khác có thể tham khảo quy định tại điểm a, điểm b khoản này để áp dụng".

Như vậy, theo quy định tại b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐCP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ thì thời gian bảo hành công trình Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi Sóc Trăng **không được ít hơn 12 tháng**. Thời hạn bảo hành phải được tính từ ngày 28/8/2020 đến hết ngày 28/8/2021.

Tại Điều 8 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận về thời gian bảo hành: "*Bên B (H) bảo hành toàn bộ sản phẩm là 12 (mười hai) tháng. ... Trường hợp bên A thanh toán chậm hơn 90 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, số ngày chậm đó sẽ được trừ vào thời gian bảo hành"*. Theo thỏa thuận trên thì thời hạn bảo hành **bị dưới 12 tháng**. Do đó, thỏa thuận về thời gian bảo hành tại Điều 8 của Hợp đồng bị vô hiệu do vi phạm khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐCP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Tại các bản trình bày Công ty H cho rằng: Tính đến thời điểm ngày 31/5/2021, Công ty SG đã chậm thanh toán 177 ngày nên theo thỏa thuận tại Điều 8 của Hợp đồng thì thời hạn bảo hành công trình sẽ bị trừ 177 ngày, tương ứng với khoảng thời gian bảo hành công trình bị rút ngắn chỉ được tính từ ngày 27/8/2020 đến ngày 04/3/2021*(= 6 tháng 7 ngày*). Ngày 31/5/2021, Công ty SG gửi Công văn số 31/5/SG-BVST yêu cầu Công ty H bảo hành sản phẩm thì đã hết hạn bảo hành.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty H, xác định yêu cầu bảo hành của Công ty SG tại thời điểm ngày 31/5/2021 đã hết thời hạn bảo hành và buộc Công ty SG phải thanh toán số tiền bảo lãnh, bảo hành công trình, tương đương 5% giá trị quyết toán công trình là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐCP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Hơn nữa, tại Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CPngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định:

"1. *Nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc bảo hành đối với phần công việc do mình thực hiện.*

2. ...Các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành, tài sản bảo đảm, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành".

Ngày 31/3/2024, Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 1, tỉnh Sóc Trăng; đơn vị sử dụng: Bệnh viện chuyên khoa Sản – Nhi Sóc Trăng và đại diện nhà thầu mới chính thức có Biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành công trình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh làm rõ thời điểm xác nhận hoàn thành trách nhiệm bảo hành đã chấp nhận yêu cầu của Công ty H buộc Công ty SG phải trả số tiền bảo lãnh bảo hành 5% cùng số tiền lãi trên số tiền này từ ngày 28/8/2021 là không có căn cứ.

Thứ hai, về yêu cầu phản tố buộc Công ty H phải thanh toán các chi phí mà Công ty SG đã phải thực hiện bảo hành thay.

Sau khi đưa công trình vào sử dụng, phía bị đơn phát hiện nhiều hạng mục thi công bị hư hỏng, sai sót cần sửa chữa. Cán bộ kỹ thuật của Công ty SG đã thông báo cho Công ty H sự việc trên thông quatin nhắn, Email tới các địa chỉ hai bên thường xuyên giao dịch nhưng không nhận được phản hồi. Công ty SG đã phải dùng nguồn tài chính của mình để sửa chữa, bảo hành thay cho Công ty H đối với một số hạng mụccó tính chất cấp thiết.

Ngày 31/5/2021, Công ty SG có Văn bản số 31gửi Công ty H về việc đề nghị tiến hành sửa chữa hư hỏng hạng mục cửa vách gói thầu số 40 Công trình Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 01/6/2021, Công ty H có Văn bản số 06 về việc phúc đáp Công văn số 31ngày 31/05/2021 của Công ty SG và cho rằng: *Công ty SG chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty H chưa thể thực hiện được nghĩa vụ bảo hành.*

Tiếp tục ngày 07/7/2021,Công ty H có Văn bản số 01/2021 cho rằng: *Tính đến thời điểm ngày 07/7/2021, thời hạn bảo hành công trình còn 121 ngày. Công ty SG đã chậm thanh toán cho Công ty H 199 ngày. Như vậy, theo khoản 1 Điều 8 về thời gian bảo hành thì Công ty H đã hết nghĩa vụ bảo hành công trình.*

Do Công ty H không thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Công ty SG đã phải dùng nguồn tài chính của mình để tự thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với các hạng mục thuộc trách nhiệm của Công ty H, bằng việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/SG-HA ngày 16/3/2023 với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nhôm kính Hà Anh. Công ty SG và Công ty Hà Anh đã ký kết Biên bản nghiệm thu và bàn giao hạng mục công trình đưa vào sử dụng, theo đó giá trị quyết toán là 433.033.572 đồng. Công ty SG đã thanh toán đầy đủ số tiền trên và được Công ty Hà Anh xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 04 ngày 02/4/2024.

Xét thấy:

Theo quy định tại Điều 125 Luật xây dựng quy định về Bảo hành công trình xây dựng như sau:

"1. Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình do mình thi công. Nhà thầu cung ứng thiết bị công trình, thiết bị công nghệ có trách nhiệm bảo hành thiết bị do mình cung cấp.

2. Nội dung bảo hành công trình gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của nhà thầu gây ra.

3. Thời gian bảo hành công trình, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ được xác định theo loại, cấp công trình xây dựng và quy định của nhà sản xuất hoặc hợp đồng cung cấp thiết bị".

Theo quy định tại Điều 29 Nghị định 06/2021/NĐ-CPngày 26/01/2021 của Chính phủ về Trách nhiệm của các chủ thể trong bảo hành công trình xây dựng thì:

1. Trong thời gian bảo hành công trình xây dựng, khi phát hiện hư hỏng, khiếm khuyết của công trình thì chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử

dụng công trình thông báo cho chủ đầu tư để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành.

2. Nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện bảo hành phần công việc do mình thực hiện sau khi nhận được thông báo yêu cầu bảo hành của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đối với các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành và phải chịu mọi chi phí liên quan đến thực hiện bảo hành.

3. Nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị có quyền từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng được quy định trong hợp đồng xây dựng. Trường hợp hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh do lỗi của nhà thầu mà nhà thầu không thực hiện bảo hành thì chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện bảo hành. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về vận hành, bảo trì công trình xây dựng trong quá trình khai thác, sử dụng công trình.

Ngày 31/5/2021, Công ty SG có văn bản yêu cầu Công ty H thực hiện nghĩa vụ bảo hành, thời điểm này chưa hết thời gian bảo hành. Đáng lẽ trong trường hợp này, Công ty H phải thực hiện bảo hành phần công việc do mình thực hiện sau khi nhận được thông báo yêu cầu bảo hành của Công ty SG đối với các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành và phải chịu mọi chi phí liên quan đến thực hiện bảo hành nhưng lại lấy lý do Công ty SG chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán để không thực hiện nghĩa vụ bảo hành là không đúng quy định tại Điều 125 Luật xây dựng. Để đảm bảo chất lượng công trình và thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với nhà thầu chính, Công ty SG đã phải thuê bên thứ 3 thực hiện việc bảo hành nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, Công ty H phải thanh toán toàn bộ các chi phí, thiệt hại mà Công ty SG đã phải thực hiện bảo hành thay cho Công ty H.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty SG đã cung cấp hợp đồng thuê bên thứ ba thực hiện sửa chữa, bảo hành và hồ sơ quyết toán chi phí bảo hành. Qua kiểm tra, đối chiếu và căn cứ trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định các hạng mục công trình Công ty SG thuê Công ty Hà Anh thực hiện sửa chữa, bảo hành thuộc các hạng mục công trình do Công ty H đã thi công. Các bên đã ký biên bản nghiệm thu quyết toán và xuất hóa đơn VAT với giá trị thanh toán là 433.033.572 đồng. Nội dung công việc bảo hành do Công ty Hà Anh thực hiện đã được các nhà thầu xác nhận vàhiện nay chủ đầu tư cũng đã xác nhận cho các nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty SG buộc Công ty H phải thanh toán số tiền chi phí bảo hành, sửa chữa là 433.033.572 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Công ty Song Giang rút một phần yêu cầu phản tố và chỉ yêu cầu Công ty H phải thanh toán chi phí sửa chữa, bảo hànhđúng bằng 5% giá trị quyết toán công trình là tiền bảo hành 420.128.438 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của Công ty SG, không trái quy định của pháp luật và có lợi cho Công ty H nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, đối trừ tiền bảo hành và chi phí sửa chữa, bảo hành, các bên không phải thanh toán cho nhau số tiền bảo hành 420.128.438 đồng.

[3]. Các nội dung khác liên quan đến quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về phần lãi suất chậm thi hành án là "*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)*" là không đúng. Đảng lẽ trong trường hợp là phải là "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ...*"mới đúng với hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do đó, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bên phải thi hành án, xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm về việc bổ sung phần quyết định về phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:"*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty SG còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán*".

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, Công ty SG không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 157, Điều 357, Điều 429, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 184, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 2 Điều 308; Điều 309Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 125, Điều 138, Điều 140, Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, Điều 29 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủquy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư SG; sửa một phần bản án sơ thẩm. Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H Việt Nam đối với Công ty TNHH Đầu tư SGvề việc tranh chấp hợp đồng thi công.

-Buộc Công ty TNHH Đầu tư SGphải thanh toán trả cho Công ty TNHH H Việt Namsố tiền nợ gốc là: **824.557.663 đồng** và số tiền lãi do chậm thanh toán khoản tiền nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: **204.535.493 đồng**. Tổng cộng: **1.029.093.156 đồng** (*Một tỷ không trăm hai mươi chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu đồng*)

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH Đầu tư SG phải thanh toán trả choCông ty TNHH H Việt Nam số tiền bảo hành **420.128.438 đồng** và số tiền lãi do chậm thanh toán khoản tiền bảo hành nêu trên là **77.177.083 đồng**. Tổng cộng: **497.305.521 đồng** (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu ba trăm linh năm nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Đầu tư SG còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Đầu tư SG đối với Công ty TNHH H Việt Nam về việcphải thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình.

Buộc Công ty TNHH H Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư SG chi phí, sửa chữa bảo hành công trình là **420.128.438 đồng**. Đối trừ với số tiền bảo hành **420.128.438 đồng** mà Công ty TNHH Đầu tư SG đang giữ thì các bên không phải thanh toán cho nhau.

3.Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4.Về án phí:

** Về án phí sơ thẩm:*

- Công ty TNHH Đầu tư SG phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền: **42.872.795 đồng**, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp **23.568.000 đồng**, theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008070 ngày 29/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH Đầu tư SG còn phải nộp số tiền: **19.304.795 đồng** (*Mười chín triệu ba trăm linh bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*).

- Công ty TNHH H Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, số tiền: **23.892.221 đồng**, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp **27.000.000 đồng** theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0007691 ngày 12/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH H Việt Nam số tiền: **3.107.779 đồng** (*Ba triệu một trăm linh bảy nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng*).

** Về án phí phúc thẩm:*

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư SG tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) (*đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004262 ngày 03/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. TX;
- Chi cục THADS Q. TX;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng